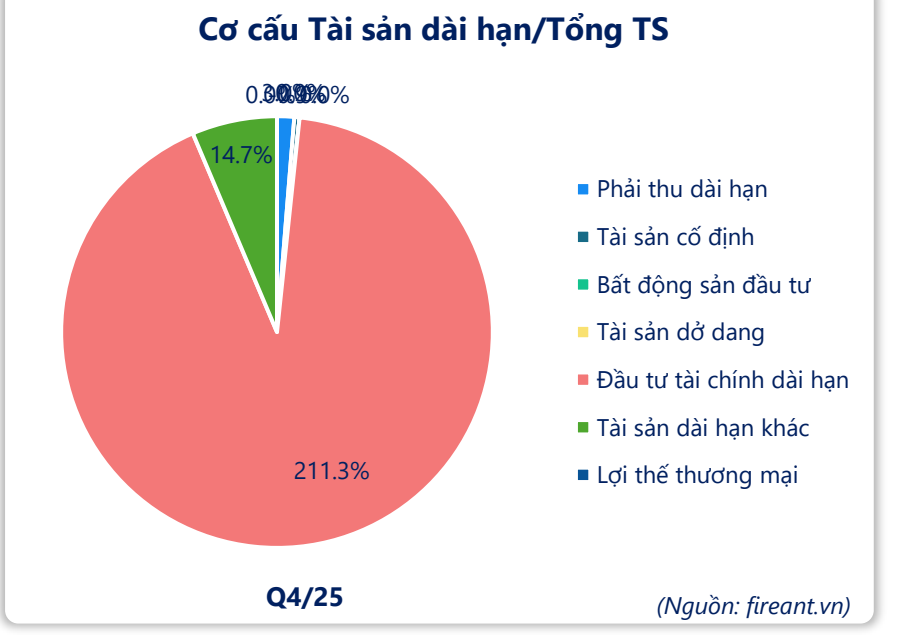
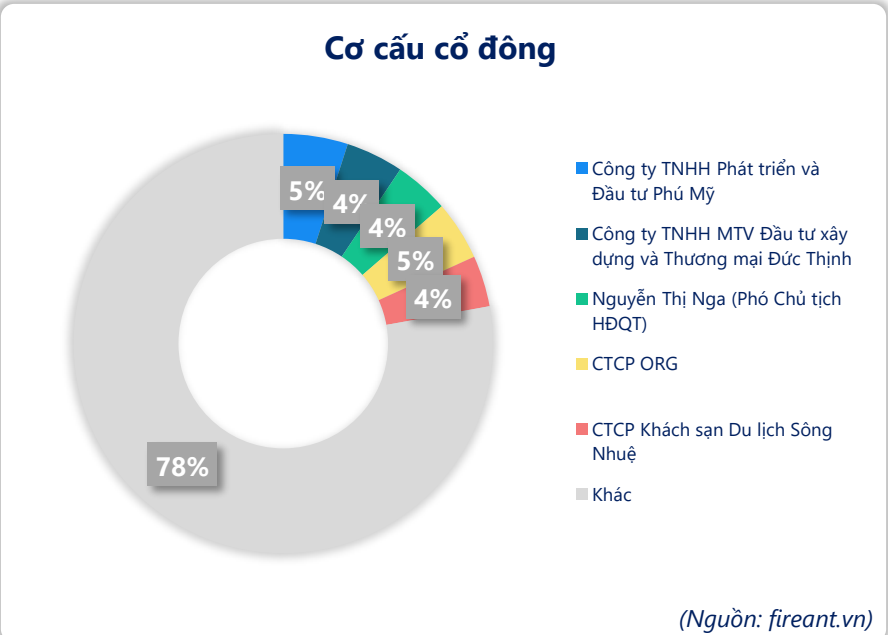
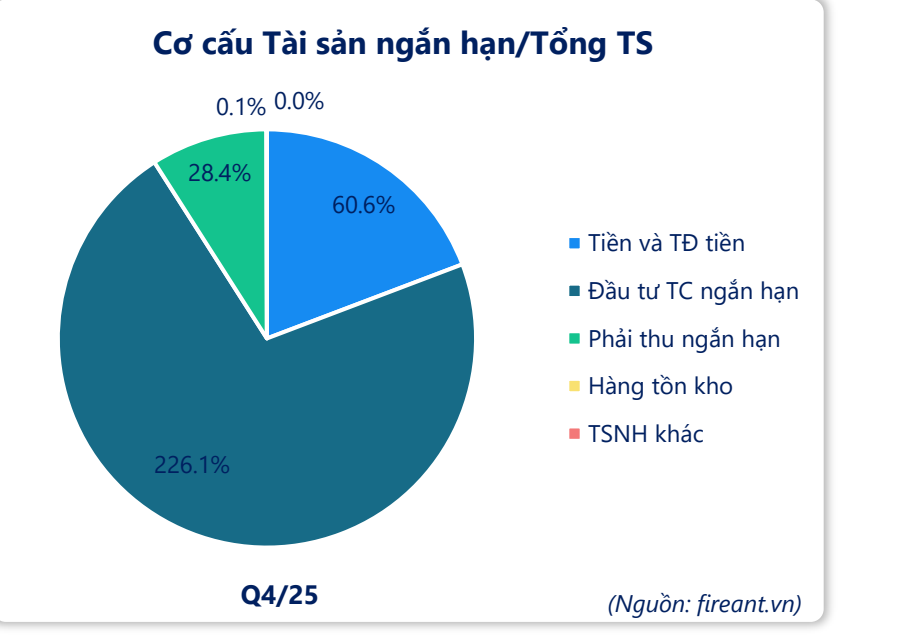
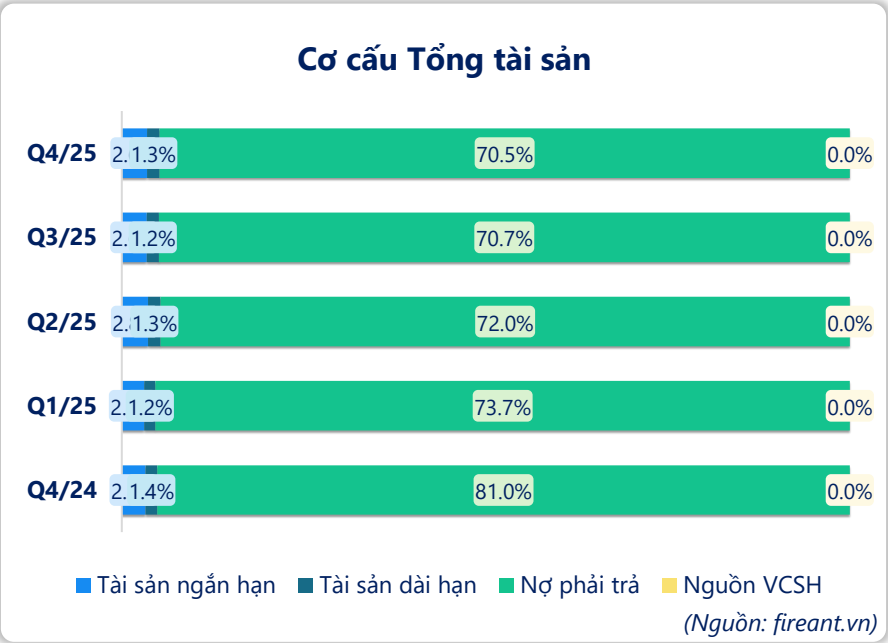
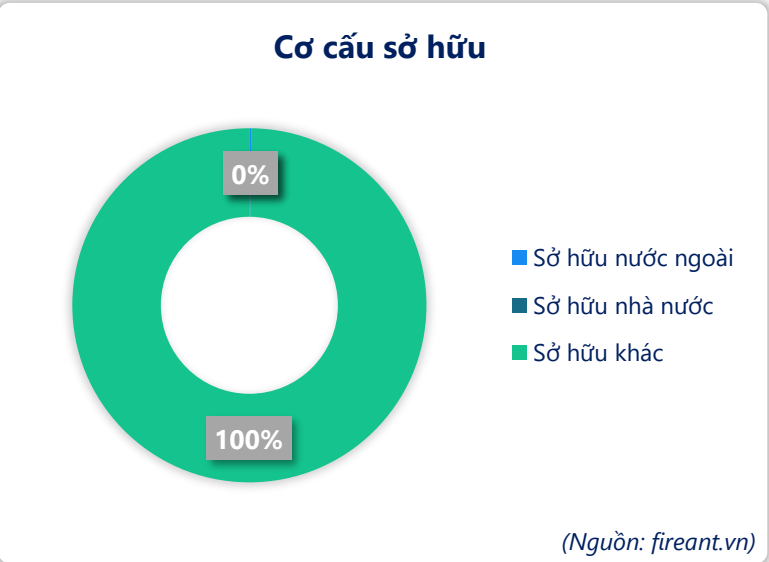
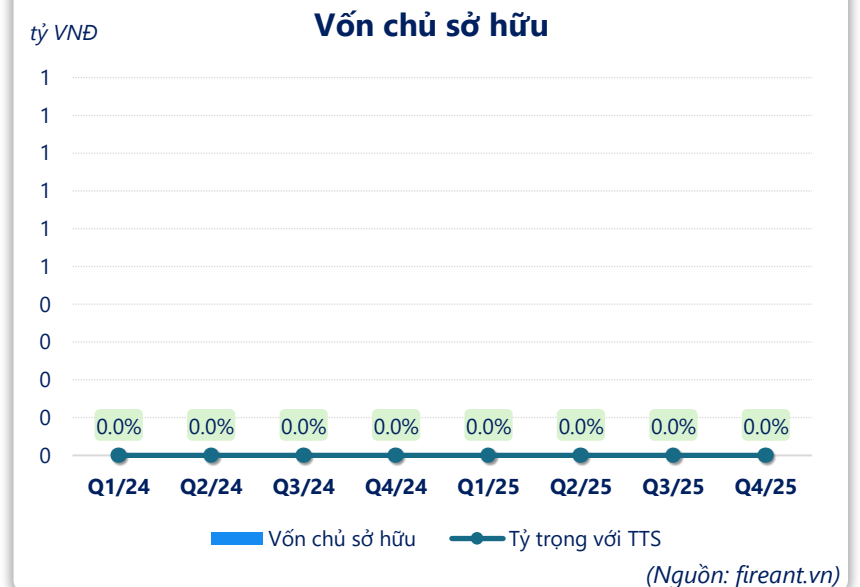
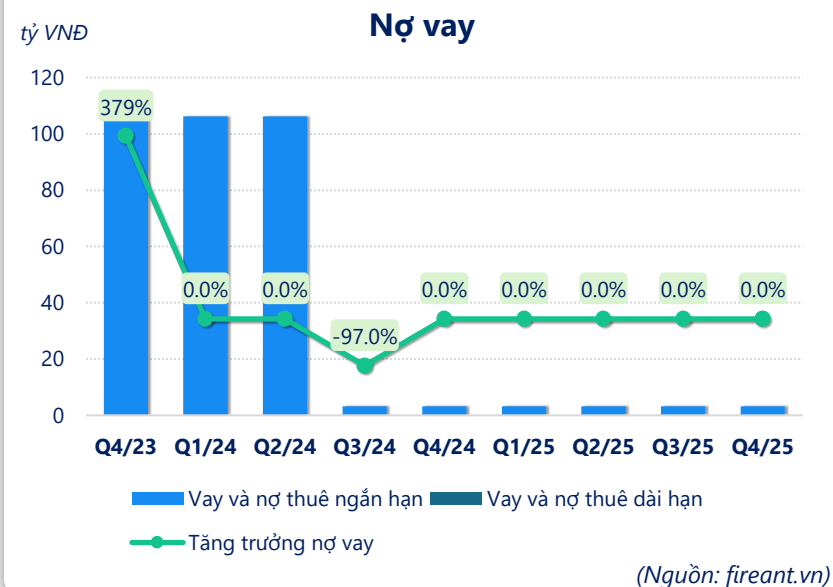
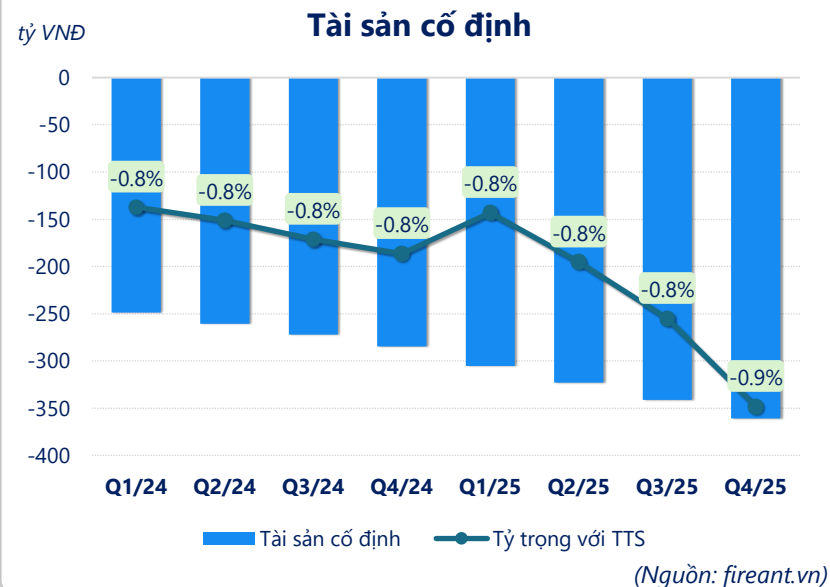
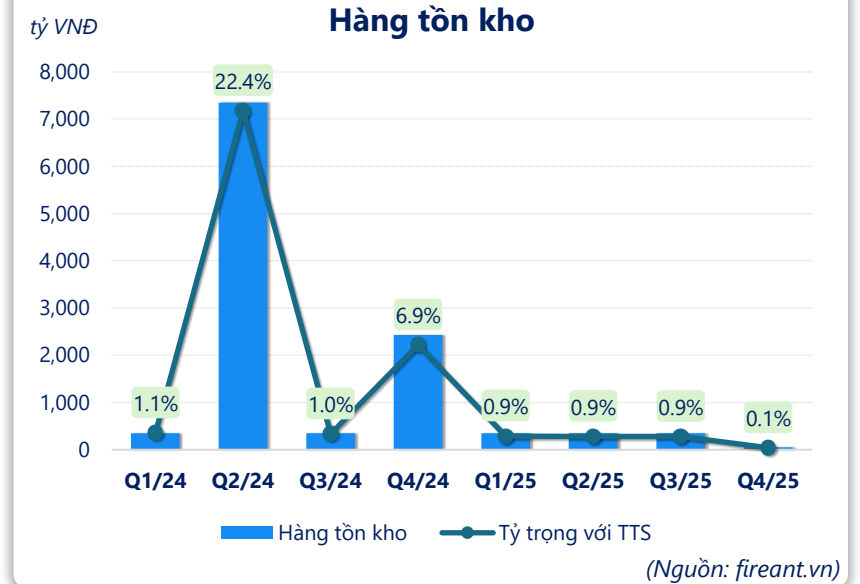
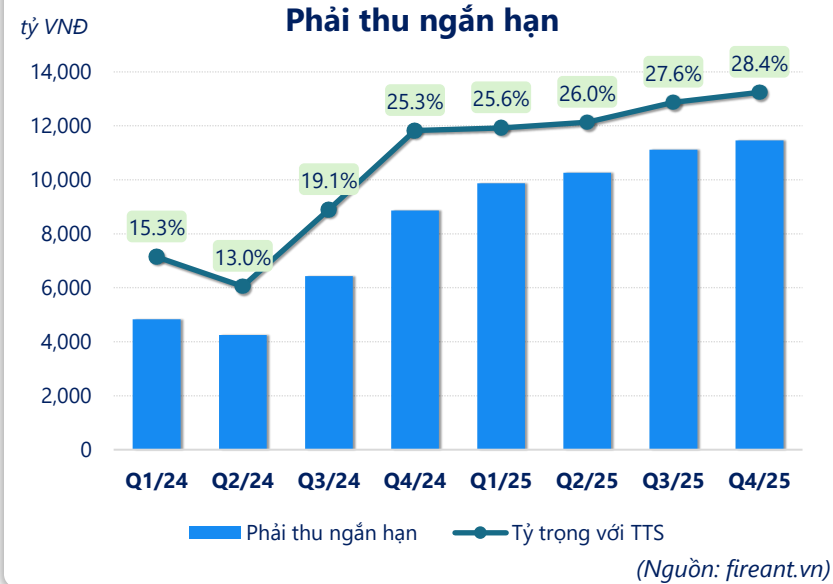
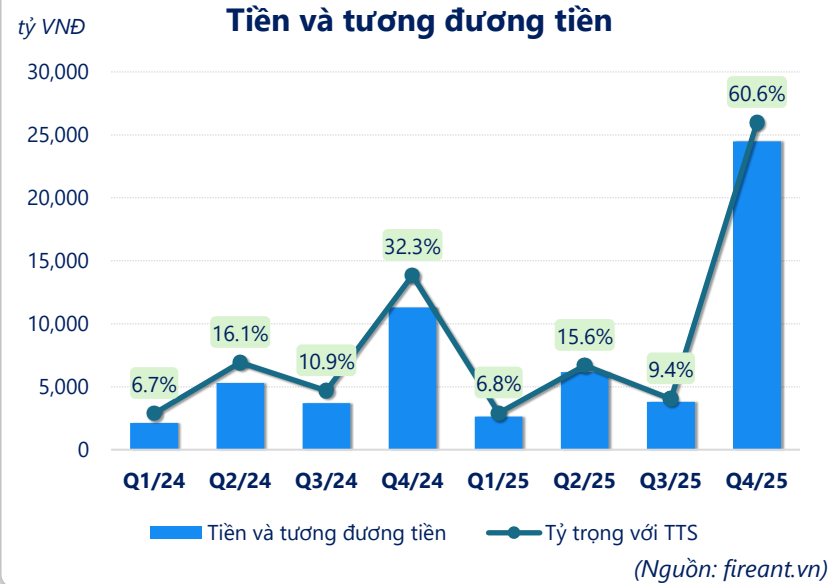
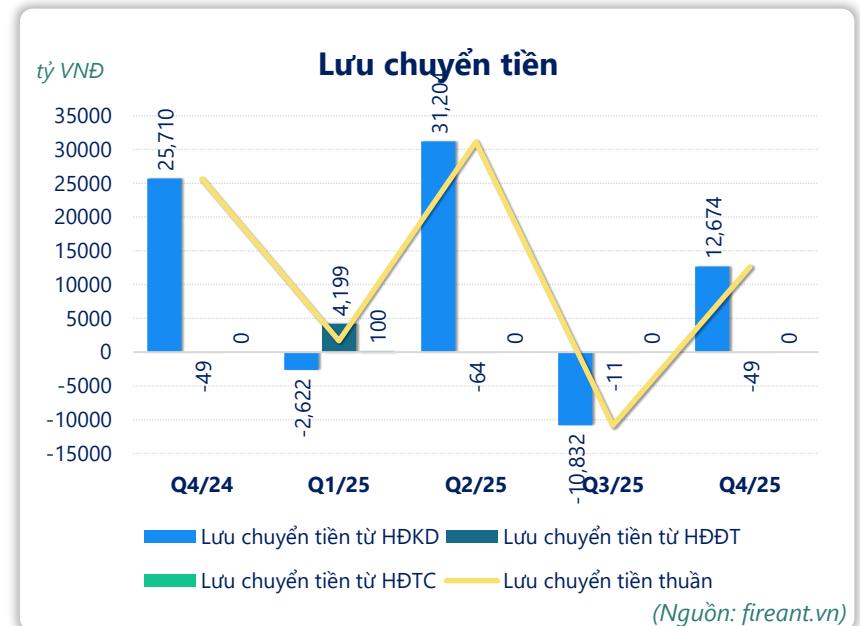
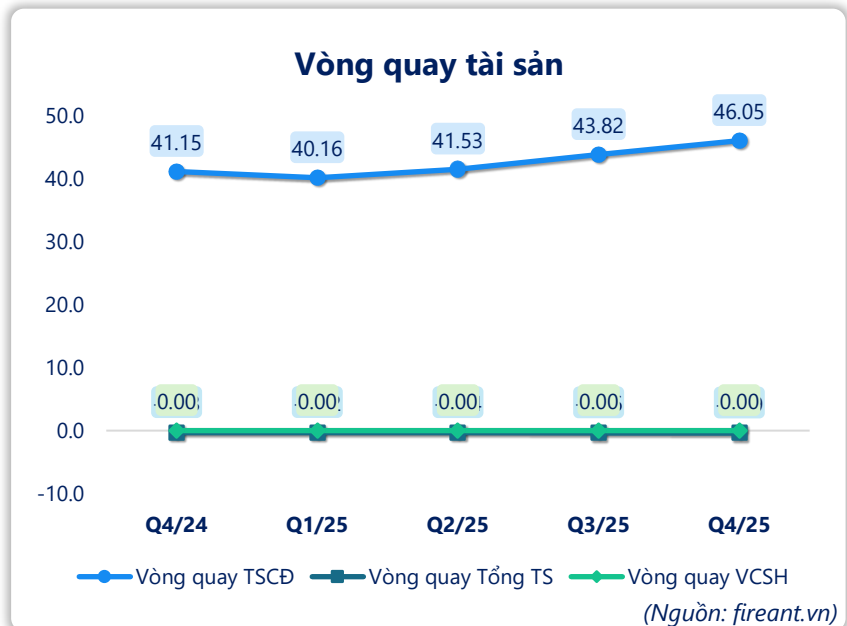
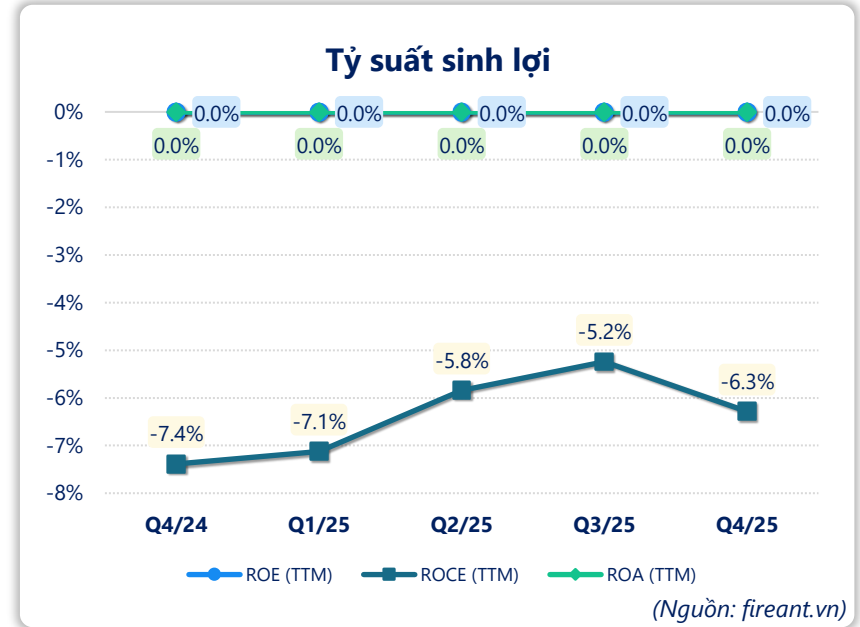
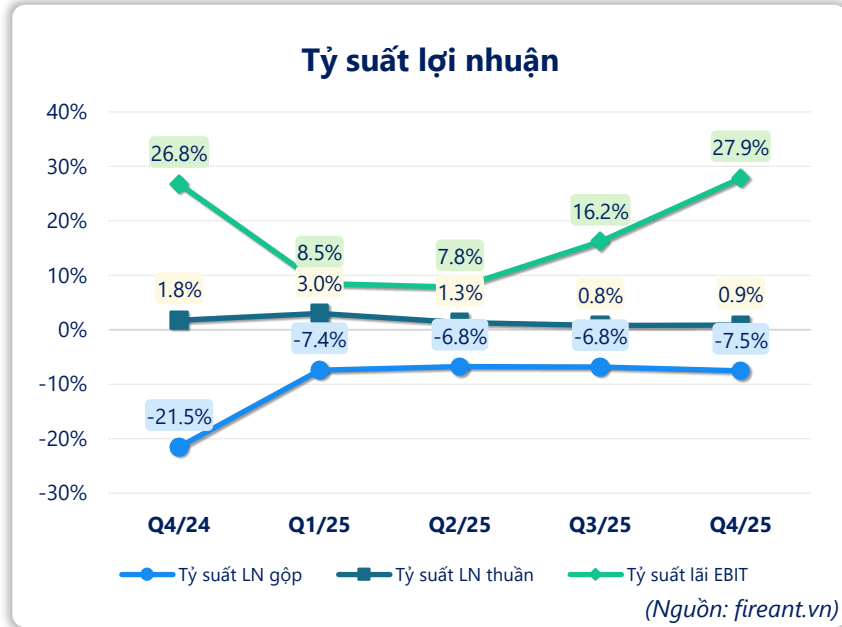
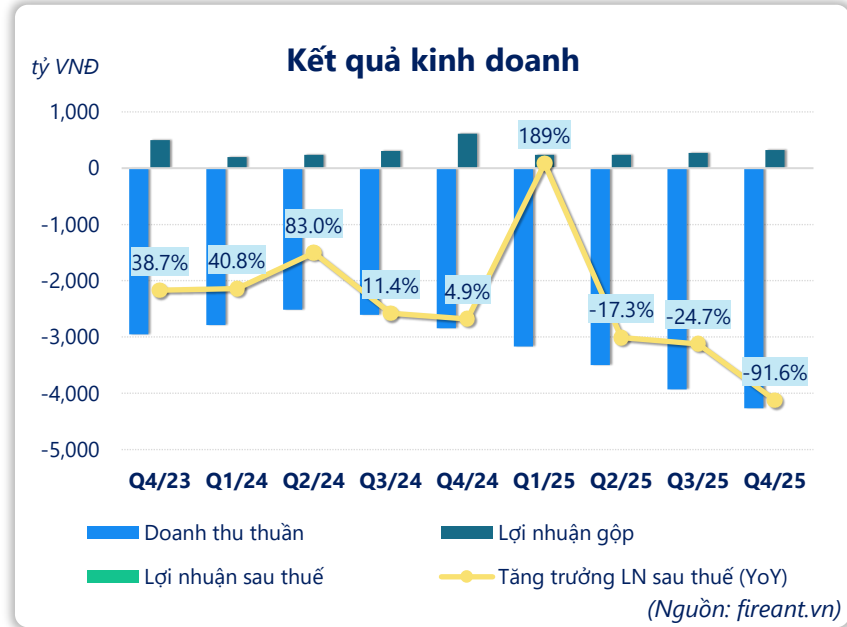


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		17,450
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		23,100
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		16,600
SL cổ phiếu LH		2,845,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		8,822,388
% sở hữu nước ngoài		0.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		49,645
P/E		9.0
EPS		1,937

	YTD	1T	3T	6T
SSB	4.2%	-1.4%	-9.1%	-7.7%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	40,373	35,003	15.3%
Tài sản ngắn hạn	1,041	964	8.0%
Tiền và tương đương tiền	24,472	11,300	117%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	91,267	67,920	34.4%
Phải thu ngắn hạn	11,458	8,869	29.2%
Hàng tồn kho	50.5	2,427	-97.9%
Tài sản ngắn hạn khác	0	0	
Tài sản dài hạn	512	488	4.9%
Phải thu dài hạn	1,194	1,092	9.3%
Tài sản cố định	-361	-285	-26.8%
Bất động sản đầu tư	0	267	-100%
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	85,300	55,895	52.6%
Tài sản dài hạn khác	5,918	4,253	39.2%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	28,450	28,350	0.4%
Nợ ngắn hạn	0	0	
Vay và nợ thuê ngắn hạn	3.17	3.17	0.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	0	0	
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	0	0	
Vốn chủ sở hữu	0	0	
Vốn điều lệ	0	0	
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	-2,843	-3,168	-3,498	-3,931	-4,268
Giá vốn hàng bán	533	175	172	204	174
Lợi nhuận gộp	611	234	236	269	320
Doanh thu HĐTC	-790	-59.0	-64.2	-64.8	-147
Chi phí TC	7.70	50.2	68.8	181	128
Chi phí lãi vay	-213	166	-54.9	33.9	72.4
LN trong công ty LKLD	-96.1	335	24.4	-194	103
Chi phí bán hàng	562	35.5	10.3	33.3	70.7
Chi phí QLDN	612	131	56.2	64.7	108
LN thuần từ HĐKD	-50.3	-95.2	-46.0	-31.3	-37.6
Lợi nhuận khác	2,079	4,786	1,652	1,626	1,390
LN trước thuế	-548	-436	-219	-670	-1,261
Lợi nhuận sau thuế	0	0	0	0	0
LNST của CĐ cty mẹ	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	25,710	-2,622	31,204	-10,832	12,674
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-49.2	4,199	-64.4	-11.4	-49.1
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	100	0	0	0
Tiền đầu kỳ	56,522	80,183	81,859	114,999	104,155
Lưu chuyển tiền thuần	25,661	1,676	31,139	-10,843	12,625
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	82,183	81,859	114,999	104,155	116,780

(Nguồn: fireant.vn)